TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2021.
V/v "Tranh chấp HĐ dịch vụ thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Nghị
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hứa Văn Chế
2. Ông: Hoàng Ngọc Sông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà***: Ông Giàng Chẩn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST- KDTM, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25/5/2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QDST-KDTM ngày 23/6/2021giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tiền P; Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trung K - Luật sư Văn phòng Luật sư G; Địa chỉ: SN 283, đường N, tổ 07, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHHMTV Q Hà Giang; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân T- Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Tiền P trình bày: Ngày 24/3/2018 ông ký hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT với Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện là ông Trần Xuân T - Giám đốc, tại điều 1 của hợp đồng ghi: Bên A đồng ý thuê bên B máy xúc đào, phục vụ công trình; tên máy KOBEKOL 200-1 đơn giá 50.000.000,đ/tháng, ngày nhận máy

24/3/2018. Theo Điều 4 của hợp đồng thỏa thuận về hình thức thanh toán với nội dung: sau khi ký kết, ben A chuyển khoản trước 01 tháng cho bên B 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) gồm 01 tháng thuê. Số tiền thuê máy sẽ được chuyển tiếp vào ngày ký hợp đồng của tháng tiếp theo số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng ông đã cho máy xúc thi công theo tiến độ công trình của Công ty TNHHMTVQ Hà Giang. Ngày 04/8/2018 ông và ông T công ty TNHHMTV Q Hà Giang đã lập biên bản xác nhận công nợ với nội dung tính từ ngày ký kết hợp đồng ngày 24/3/2018 đến ngày 04/8/2018 là 04 tháng 11 ngày, ngày 04/8/2018 Công ty TNHHMTV Q Hà Giang trả cho P số tiền 50.000.000,đ(Năm mươi triệu đồng). Công ty còn nợ ông P 03 tháng tiền thuê máy xúc chưa thanh toán 03 tháng x 50.000.000,đ= 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra Công ty TNHHMTV Q Hà Giang còn nợ ông P số tiền 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền thuê máy xúc của ông để làm mỏ đá hoa trắng tại Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái theo giấy xác nhận ngày 20/12/2019. Tổng cộng tiền thuê máy của ông cho đến nay công ty TNHHMTV Q Hà Giang do ông Trần Xuân T làm giám đốc còn nợ số tiền 220.000.000,đ (hai trăm hai mươi triệu đồng). Ông P khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHHMTV Q Hà Giang đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T phải trả cho ông tiền thuê máy xúc số tiền 220.000.000,đ và lãi suất chậm trả của số tiền 150.000.000,đ tính từ ngày 04/8/2019 đến ngày 04/8/2020 lãi suất 1%/tháng là 24 tháng = 36.000.000,đ; số tiền 70.000.000,đ tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 20/7/2020 là 17 tháng = 4.900.000,đ tổng cộng cả gốc và lãi là 260.900.000,đ (Hai trăm sáu mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

* Bị đơn Công ty TNHHMTV Q Hà Giang đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án ngày 28/11/2020 Tòa án có nhận được ý kiến phản hồi sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông P khởi kiện ông T xin được gia hạn thời gian nộp ghi ý kiến của mình đối với yêu của nguyên đơn theo các nội dung khởi kiện. Hết thời gian yêu cầu Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh tại tổ 01, phường T, thành phố H cung cấp hiện nay Công ty TNHHMTV Q Hà Giang có trụ sở trên địa bàn tổ 01, phường T, thành phố H do ông Trần Xuân T làm giám đốc. Tuy nhiên công ty đã ngừng hoạt động tháo biển trong năm 2020 và ông T vắng mặt tại địa phương, đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay không thấy trở về địa phương. Còn việc T đi đâu, làm gì ở đâu không thông báo cho tổ trưởng biết, hiện nay ông T vẫn có hộ khẩu trên địa bàn tổ, chưa cắt chuyển đi đâu.

Ngày 09/6/2021 ông T gửi bản tự khai đề ngày 14/4/2021 về việc ông có thuê máy ông P trú tại Cầu Trắng Hà Giang thi công đường mỏ đá hoa trắng thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái chủ đầu tư Công ty CP khoáng sản K, tỉnh Yên Bái

do chưa có biên bản chốt công nợ cụ thể nên ông chưa thanh toán dứt điểm với ông P và bản tự khai ngày 08/6/2021 xác nhận ông có thuê máy xúc của ông P thi công đường mỏ đá hoa trắng chủ đầu tư dự án là Công ty CP khoáng sản K, tỉnh Yên Bái do thi công dở chưa xong(Chưa được chủ đầu tư thanh toán); do chưa có bản chốt công nợ hai bên nên ông chưa thanh toán dứt điểm với ông P.

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị bị đơn trả số tiền thuê máy xúc theo biên bản làm việc ngày ngày 04/8/2018 còn nợ chưa thanh toán 2 tháng x 50.000.000,đ = 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) và số tiền 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền thuê máy xúc của ông P để làm mỏ đá hoa trắng tại Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái theo giấy xác nhận ngày 20/12/2019 tổng cộng là 170.000.000,đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), không đề nghị tính lãi chậm trả.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà,Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đại diện theo pháp pháp luật ông Trần Xuân T không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tung quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo và niêm yết hợp lệ vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 472, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 269, 270 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.4 phần II Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 về quy định mức án phí, lệ phí Toà án , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

1. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút phần yêu cầu 01 tháng tiền thuê máy xúc và toàn bộ lãi suất chậm thanh toán.

Đình chỉ giải quyết về phần nợ 01 tháng tiền thuê máy xúc là 50.000.000,đ và toàn bộ lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế số 09 ngày 24/3/2018 và giấy xác nhận công nợ ngày 20/02/2019 giữa ông Nguyễn Tiền P với Công TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiền P về việc tranh chấp hợp đồng thuê dịch vụ (thuê tài sản thuê máy xúc) đối với Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T- Giám đốc.

Buộc Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T - Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang phải trả cho ông Nguyễn Tiền P; Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà

Giang số tiền 170.000.000,đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền thuê máy xúc theo biên bản làm việc ngày 04/8/2018 và biên bản xác nhận nợ ngày 20/02/2019.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.500.000, đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Tiền P số tiền 6.747.500,đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002356 ngày 12/11/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền thuê máy xúc theo hợp đồng kinh tế số 09 ngày 24/3/2018 mà hai bên đã ký kết; Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 01,phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; điểm g, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu trả tiền thuê máy xúc theo hợp đồng hai bên đã đã ký kết đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Tòa án thụ lý ban đầu xác định là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản (Thuê máy xúc) là chưa chính xác, quá trình giải quyết vụ án đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng dịch vụ (Thuê tài sản thuê máy xúc).

[3] Về sự có mặt của đương sự: Tại các biên bản xác minh địa chỉ của bị đơn Công ty TNHHMTV Q đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T của Tòa án nhân dân thành phố H tại tổ dân phố tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang đã xác định: Công ty TNHHMTV Q Hà Giang đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T có trụ sở địa chỉ tại: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang hiện nay Công ty và hộ khẩu của ông T vẫn ở địa chỉ trên nhưng Tiến đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và cố tình giấu địa chỉ, không báo cho ông nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông T không đến tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là đối với yêu cầu của ông P buộc bị đơn phải trả số tiền thuê máy 03 tháng nay chỉ đề nghị 02 tháng tiền thuê máy xúc theo biên bản làm việc chốt nợ còn lại 02 tháng và rút toàn bộ lãi suất chậm trả tương đương với số tiền còn nợ chưa thanh toán, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 01 tháng tiền thuê máy và lãi suất chậm trả không xem xét giải quyết nữa.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của ông P buộc bị đơn trả số tiền thuê máy xúc theo biên bản làm việc ngày ngày 04/8/2018 còn nợ chưa thanh toán 3 tháng x 50.000.000,đ = 150.000.000,đ (Một trăm năm triệu đồng). Xét thấy, ngày 24/3/2018 ông P ký hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT với Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện là ông Trần Xuân T- Giám đốc, tại điều 1 của hợp đồng ghi: Bên A đồng ý thuê bên B máy xúc đào, phục vụ công trình; tên máy KOBEKOL 200-1 đơn giá 50.000.000,đ/tháng, ngày nhận máy 24/3/2018. Quá trình thực hiện hợp

đồng hai bên đã có biên bản làm việc ngày 04/8/2018 chốt khoản nợ chưa thanh toán với nhau là còn 03 tháng nhưng Công ty TNHHMTV Q đã ghi còn nợ 02 tháng chưa thanh toán cho ông P. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một tháng chỉ đề nghị 2 tháng theo biên bản chốt là có căn cứ chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho ông P số tiền 02 tháng là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng).

[5] Đối với yêu cầu của ông P buộc bị đơn trả số tiền còn nợ 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền thuê máy xúc của ông P để làm mỏ đá hoa trắng tại Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái theo giấy xác nhận ngày 20/12/2019. Xét thấy tại biên bản xác nhận công nợ ngày 20/02/2019 Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện là ông Trần Xuân T đã xác nhận còn nợ ông P 70.000.000,đ(Bảy mươi triệu đồng). Tại bản tự khai ông T xác nhận có thuê máy của ông P nhưng do thi công dở dang chưa được chủ đầu tư thanh toán và chưa chốt nợ giữa hai bên nên chưa thanh toán dứt điểm với ông P là không đúng với thực tế nên cần buộc bị đơn phải trả số tiền trên cho ông P là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Căn cứ vào nhận định trên chấp nhận yêu khởi kiện của ông P buộc Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T- Giám đốc phải trả số tiền còn nợ 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) tiền thuê máy xúc ký hiệu KOBEKOL 200-1và 70.000.000,đ(Bảy mươi triệu đồng) tiền thuê máy xúc của ông P để làm mỏ đá hoa trắng tại Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái. Tổng cộng là 170.000.000,đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[7] Về án phí: Bị đơn Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.500.000, đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 269, 270 Luật thương mại năm 2005; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút phần yêu cầu 01 tháng tiền thuê máy xúc và toàn bộ lãi suất chậm thanh toán.

Đình chỉ giải quyết về phần nợ 01 tháng tiền thuê máy xúc là 50.000.000,đ và toàn bộ lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế số 09 ngày 24/3/2018 và giấy xác nhận công nợ ngày 20/02/2019 giữa ông Nguyễn Tiền P với Công TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiền P về việc tranh chấp hợp đồng thuê dịch vụ (Thuê tài sản thuê máy xúc) đối với Công ty TNHHMTV Quý Phát Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân Tiến - Giám đốc.

Tuyên xử: Buộc Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T - Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang phải thanh toán trả tiền thuê máy xúc cho ông Nguyễn Tiền P; Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang số tiền 170.000.000,đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) theo biên bản làm việc ngày 04/8/2018 và biên bản xác nhận nợ ngày 20/02/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHHMTV Q Hà Giang, đại diện theo pháp luật ông Trần Xuân T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 8.500.000, đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng)

Trả lại cho ông Nguyễn Tiền P số tiền 6.747.500,đ (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) đã nộp (Ngô Trung K nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002356 ngày 12/11/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt biết có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHG;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- C.C THATPHG;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Nghị